

Thứ tư, ngày 13 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Rời xa mốc 1,020 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/11/2019		•	
Tuần 11/11-15/11/2019			•
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mặc dù mở phiên trong sắc xanh, VN-Index nhanh chóng lùi về dưới mốc tham chiếu trong phiên sáng khi VHM, VNM, VCB liên tục gây áp lực. Tới phiên chiều, lực kéo từ BID, BHN, TCH là không đủ để trì hoãn sự điều chỉnh của các mã bluechips bao gồm VCB, VNM, VHM. Thị trường ghi nhận phiên giảm điểm mạnh với động thái bán ròng mạnh từ khối ngoại trên HSX. Bên cạnh những tín hiệu trái chiều về thỏa thuận thương mại được Tổng thống Trump đưa ra trong bài phát biểu hôm qua, áp lực chốt lời mạnh trong vùng giá nhiều biến động cũng cho thấy chỉ số cần thời gian tích lũy thêm. Nhà đầu tư có thể mở một phần vị thế trong những nhịp rung lắc này của thị trường tại các mã có yếu tố cơ bản tốt.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 945 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh. MWG giảm giá tiêu cực, mất ngưỡng 120, sau khi không thành công vượt đỉnh tại mốc 128. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu giảm bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của MWG có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Nước & Năng lượng_ 0.7%. 12/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, Danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**, con số này của VNINDEX là -0.5%.

Phân tích kỹ thuật: PC1_Xu hướng tăng (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.56 điểm**, đóng cửa 1,012.77. HNX-Index **+0.24 điểm**, đóng cửa 107.20.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.96); BHN (+0.20); TCH (+0.07); PC1 (+0.05); MSH (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.29); VNM (-1.01); VHM (-0.69); SAB (-0.56); TCB (-0.40)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,790 tỷ đồng**, **+8.8%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.29 điểm. Thị trường có 105 mã tăng, 83 mã tham chiếu và 202 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **737.90 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm CTG (625.79 tỷ), VNM (139.11 tỷ) và VIC (70.81 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **31.61 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1012.77

Giá trị: 3790.84 tỷ

-5.56 (-0.55%)

Khối ngoại (ròng): -737.9 tỷ

HNX-INDEX

107.20

Giá trị: 291.17 tỷ

0.24 (0.22%)

Khối ngoại (ròng): 31.61 tỷ

UPCOM-INDEX

56.82

Giá trị: 219.84 tỷ

0.02 (0.04%)

Khối ngoại(ròng): 0.146 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.6	-0.35%
Giá vàng	1,461	0.34%
Tỷ giá USD/VND	23,202	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,630	
Tỷ giá JPY/VND	21,260	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	8.36%
LS TPCP 5 năm	2.7%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	83.3	CTG	612.0
BID	27.2	VNM	139.0
VHM	21.8	VIC	71.3
HCM	19.2	VCB	26.0
HPG	18.7	MSN	18.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Bạn không có thời gian để đầu tư

Bạn băn khoăn với biến động thị trường

Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

Tìm hiểu thêm

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **12/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, Danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.7%**, con số này của VNINDEX là -0.5%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **8/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_0.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Nước & Năng lượng	0.7%	0.7%	1.0%	3.4%	-2.5%	13.2%	55.3%
Chiến tranh thương mại	0.5%	1.5%	-0.8%	-4.9%	-6.1%	-1.2%	11.5%
Xây dựng	0.4%	-0.7%	-5.9%	-1.3%	-9.1%	-7.5%	26.4%
Hàng tiêu dùng	0.3%	0.4%	-2.4%	-0.8%	3.8%	11.8%	63.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	0.8%	1.4%	-1.8%	-4.4%	18.2%	52.0%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.2%	-1.0%	-1.3%	1.7%	-2.2%	-2.0%	-1.2%
Ngân hàng	-0.2%	0.1%	1.6%	13.7%	17.7%	18.1%	94.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	0.0%	1.2%	-1.0%	-8.7%	-8.6%	53.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.3%	-0.6%	1.9%	7.5%	22.5%	36.3%	139.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.3%	-1.4%	1.0%	2.9%	3.6%	8.6%	9.5%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.4%	-0.5%	1.2%	1.9%	4.2%	10.9%	64.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	-1.3%	0.1%	4.3%	6.6%	12.1%	75.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.6%	-0.7%	1.5%	10.5%	9.0%	7.9%	47.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.7%	-1.2%	0.0%	5.7%	13.8%	17.9%	84.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.7%	-0.9%	1.3%	3.8%	10.5%	20.4%	97.5%
Dầu khí	-0.8%	-1.7%	1.9%	0.1%	-9.9%	1.3%	22.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.8%	-1.7%	1.8%	2.3%	-1.0%	10.6%	83.8%
FTSE Việt Nam	-0.9%	-1.9%	2.8%	3.8%	1.9%	14.9%	91.3%
Lãi suất giảm	-0.9%	-1.6%	-3.1%	-1.1%	-2.2%	3.1%	54.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 5	0.6%	0.1%	1.4%	3.1%	1.6%	20.5%	75.1%
Danh mục 18	-0.1%	0.4%	1.3%	2.5%	-2.4%	6.8%	127.2%
Danh mục 8	-0.4%	0.0%	1.4%	2.2%	8.4%	17.8%	63.1%
Danh mục 3	-1.0%	-1.3%	0.0%	3.3%	14.0%	23.1%	83.5%
Danh mục 11	-1.5%	-3.3%	-2.9%	-0.7%	3.9%	23.1%	102.2%
* Note	8/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	-0.4%	0.5%	2.1%	4.4%	12.7%	22.4%	62.7%
Danh mục 19	-0.7%	-0.2%	1.0%	6.1%	13.6%	28.3%	65.4%
Danh mục 21	-0.7%	-0.8%	0.8%	5.7%	11.1%	21.2%	74.7%
Danh mục 23	-1.4%	-1.5%	-1.6%	-1.1%	2.9%	37.1%	136.1%
Danh mục 25	-1.6%	-2.2%	-1.3%	-0.8%	11.8%	43.9%	168.4%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.5%	-1.2%	2.0%	3.4%	2.6%	9.3%	50.8%
VN30INDEX	-0.8%	-1.0%	1.0%	4.7%	3.5%	3.6%	46.5%

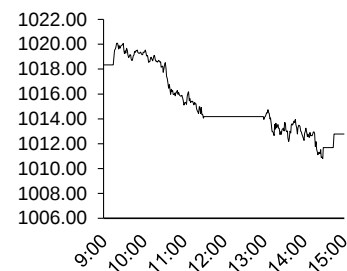
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH
11/13/2019
Vietnam Daily Review

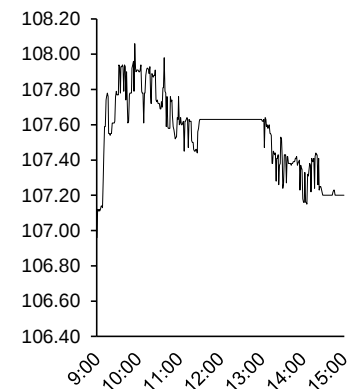
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8%
Y tế	0.0%
Viễn thông	0.0%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.1%
Dịch vụ tài chính	-0.1%
Dầu khí	-0.3%
Ngân hàng	-0.3%
Du lịch và Giải trí	-0.3%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Truyền thông	-0.4%
Bất động sản	-0.5%
Công nghệ Thông tin	-0.7%
Hóa chất	-0.9%
Thực phẩm và đồ uống	-1.0%
Bảo hiểm	-1.0%
Tài nguyên Cơ bản	-1.4%
Bán lẻ	-2.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PC1_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: PC1 đã hình thành xu hướng tăng giá trung hạn trong phiên bứt phá hôm nay. Thanh khoản vượt xa ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên và đồng thuận với đà tăng của bước giá, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, PC1 có thể kiểm tra lại vùng kháng cự 24-25 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Năm 2019, BSC dự báo doanh thu PC1 đạt 6,083 tỷ đồng (+19.6% YoY), LNST 433 tỷ (-6.1% YoY) do không ghi nhận nhiều doanh thu từ bất động sản. Cho năm 2020, doanh thu và LNST của PC1 lần lượt là 6,172 tỷ và 607.9 tỷ, tăng 1.48% và 40.2% nhờ 2 nhà máy thủy điện mới và ghi nhận lợi nhuận từ BĐS.

Cập nhật KQKD

Doanh thu 9T2019 ước đạt 4,393 tỷ (+22.8% YoY) và LNST đạt 300 tỷ (-30% YoY). LNST toàn công ty giảm 30% do trong 9T2018 PC1 có ghi nhận 862 tỷ doanh thu BĐS và 189 tỷ LNST từ việc chuyển nhượng bất động sản tại dự án PCC1 Mỹ Đình. Nếu loại trừ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, doanh thu của PC1 tăng 56% và LNST tăng 25.5% so với cùng kỳ.

Rủi ro Đầu tư

Lượng nước về các sông không đều ảnh hưởng đến lợi nhuận lĩnh vực thủy điện của PC1. Định mức ngành xây lắp giảm khiến số dự án có thể thực hiện giảm, làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng doanh thu của PC1.

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 13/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 13/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.76	-0.19%	-0.83%	3.34%	1.92%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	61.95	-0.35%	-1.65%	2.23%	-5.42%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.62	0.29%	-3.49%	0.19%	4.77%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1456.26	0.04%	-1.88%	-2.46%	21.15%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.77	-0.52%	-4.55%	-4.90%	19.90%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	905.56	-0.14%	-1.76%	-3.71%	4.42%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	517.25	2.13%	0.39%	1.22%	1.87%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.13	-0.15%	-0.84%	8.28%	38.54%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	162.50	-0.31%	4.23%	7.90%	18.79%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.59	0.16%	-0.94%	0.56%	-0.16%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.41	0.00%	5.25%	8.60%	5.57%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	105.60	-0.38%	-0.19%	11.33%	-3.30%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.64	-0.61%	-1.90%	0.77%	-1.61%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3539.00	1.67%	1.99%	-2.91%	-15.15%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1779.00	-1.58%	-1.98%	3.43%	-8.09%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	77.50	-3.13%	-5.49%	-15.30%	2.65%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.73	1.01%	-0.88%	2.45%	-33.59%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent giảm 12 US cent xuống 62.06 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 6 US cent xuống 56.8 USD/thùng.
- Giá dầu thay đổi nhẹ trong phiên vừa qua sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tại Câu lạc bộ Kinh tế New York cho biết các nhà đàm phán của Mỹ và Trung Quốc đã "tiến gần" tới thỏa thuận thương mại "Giai đoạn 1", nhưng phần lớn thời gian thương lượng vẫn lặp đi lặp lại những lời 'hoa mĩ' về "gian lận" của Trung Quốc trong thương mại. Thị trường dầu lại dấy lên lo ngại về việc cả tăng trưởng kinh tế cũng như nhu cầu dầu đều chậm lại do cuộc thương chiến kéo dài đã 16 tháng giữa 2 cường quốc hàng đầu thế giới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.1% xuống 1,453.7 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.2% xuống 1,453.7 USD/ounce. Giá vàng tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất hơn 3 tháng khi giới đầu tư vẫn đang bị hấp dẫn bởi những tài sản rủi ro cao.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 2.5% lên 607 CNY/tấn. Thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải có lúc tăng 2.5% lên 3,452 CNY (493.56 USD)/tấn, thép cuộn cán nóng tăng 1.8% lên 3,380 CNY/tấn.
- Giá sắt, thép trên thị trường Trung Quốc tăng trở lại sau 3 phiên liên tiếp giảm bởi lo ngại thiếu cung khi Chính phủ nước này tăng cường áp dụng các biện pháp chống ô nhiễm môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường nước này đã đặt ra các mục tiêu chống ô nhiễm trong mùa Đông năm nay, trong đó có việc kiểm soát chặt chẽ hơn đối với những nhà máy thép năm ngoái đã vượt quá công suất cho phép.

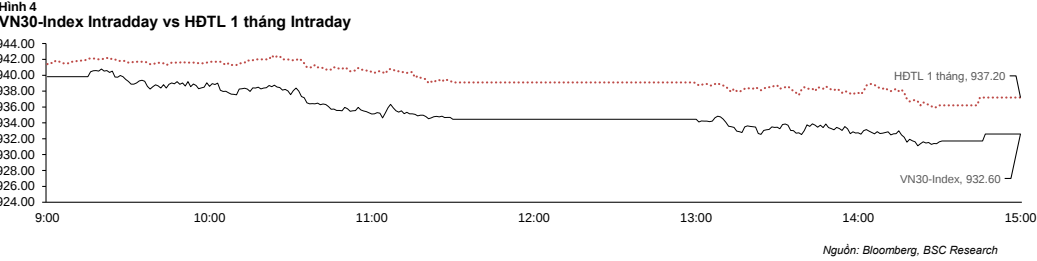
Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 4/2020 trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng 1.5 JPY (0.0137 USD) lên 180 JPY/kg. Cao su kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 80 CNY (11.44 USD) lên 12,080 CNY/tấn.
- Giá cao su tăng trên cả 2 thị trường Tokyo và Thượng Hải bởi hy vọng sẽ có thêm những tín hiệu tích cực về chính sách thương mại của Mỹ qua bài phát biểu của Tổng thống Mỹ Donald Trump. Ông Trump ngày 12/11 tham gia một cuộc thảo luận về chính sách thương mại quốc gia tại Câu lạc bộ Kinh tế New York. Giới đầu tư theo dõi sát sao cuộc thảo luận này để có thêm thông tin về cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung.

Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London giảm 4 USD (0.3%) xuống 1,371 USD/tấn. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 03/2020 giảm 0.55 US cent (0.5%) xuống 1.089 USD/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.02 US cent lên 12.59 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 5.4 USD tương đương 1% xuống 327.5 USD/tấn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	937.20	-0.60%	4.60	17.3%	63492	11/21/2019	10
VN30F1912	938.50	-0.55%	5.90	72.9%	313	12/19/2019	38
VN30F2003	940.50	-0.12%	7.90	526.7%	94	3/19/2020	129
VN30F2006	940.40	-0.42%	7.80	127.8%	123	6/18/2020	220

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -7.22 điểm xuống mức 932.60 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, MWG, HPG, và VCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm tiêu cực từ đầu phiên sáng xuống dưới ngưỡng 935 điểm vào cuối phiên. Sáng phiên chiều, vận động giảm tiếp diễn. Thanh khoản tăng cùng các chỉ báo động lượng cũng cho thấy VN30 có thể tiếp tục giảm xuống quanh 930 điểm.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng ngắn hạn đang giảm, trong khi các hợp đồng dài hạn lại tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và hồi phục trong dài hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 945 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1902	HSC	12/17/2019	34	1:1	164,630	17.3%	1.0 triệu	16.82%	3,200	3,990	2.05%	1,594.40	2.50
CVJC1902	SSI	4/22/2020	161	1:1	16,400	41.9%	1.0 triệu	14.94%	27,900	29,030	-0.58%	16,936.60	1.71
CFPT1903	SSI	12/30/2019	47	1:1	28,210	-64.2%	2.0 triệu	20.22%	6,000	16,000	-1.84%	15,640.20	1.02
CMBB1903	SSI	4/22/2020	161	1:1	202,130	37.0%	3.0 triệu	16.82%	4,000	3,940	-1.99%	2,073.90	1.90
CDPM1901	KIS	1/9/2020	57	1:1	189,370	-3.6%	1.5 triệu	26.46%	1,900	1,710	-2.29%	640.80	2.67
CMBB1905	HSC	4/8/2020	147	2:1	191,660	-35.0%	5.0 triệu	16.82%	1,700	1,690	-2.31%	678.00	2.49
CTCB1901	MBS	1/17/2020	65	2:1	121,870	-30.0%	2.0 triệu	20.40%	1,680	1,680	-2.33%	871.50	1.93
CVHM1902	SSI	4/22/2020	161	1:1	24,470	32.8%	1.0 triệu	25.12%	18,600	21,090	-4.57%	15,302.30	1.38
CHPG1907	SSI	4/22/2020	161	1:1	59,330	-42.9%	1.0 triệu	25.89%	4,200	4,000	-4.99%	2,749.90	1.45
CFPT1904	MBS	11/19/2019	6	3:1	76,700	-82.4%	3.0 triệu	20.22%	1,700	2,750	-5.50%	2,846.90	0.97
CNVL1901	KIS	2/7/2020	86	4:1	274,780	707.5%	5.0 triệu	20.31%	1,900	1,470	-7.55%	202.20	7.27
CVNM1903	SSI	4/22/2020	161	1:1	34,090	14.4%	1.0 triệu	18.18%	26,600	22,900	-7.85%	10,688.80	2.14
CMWG1902	VND	12/11/2019	28	4:1	190,640	82.3%	2.4 triệu	20.68%	2,990	7,500	-8.54%	7,556.80	0.99
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	26	5:1	44,770	65.9%	1.5 triệu	20.68%	5,600	5,300	-8.78%	5,243.50	1.01
CMWG1904	SSI	12/30/2019	47	1:1	28,980	135.6%	1.0 triệu	20.68%	14,000	31,000	-9.06%	30,448.90	1.02
CVNM1904	HSC	4/8/2020	147	10:1	150,190	73.1%	5.0 triệu	18.18%	1,900	1,400	-9.68%	372.90	3.75
CMWG1907	HSC	4/8/2020	147	10:1	662,620	239.2%	5.0 triệu	20.68%	1,900	1,490	-9.70%	507.20	2.94
CMWG1903	HSC	12/30/2019	47	5:1	204,840	280.5%	2.0 triệu	20.68%	2,700	5,220	-10.00%	5,086.20	1.03
CHPG1905	SSI	12/30/2019	47	1:1	201,910	18.1%	1.0 triệu	25.89%	3,300	1,100	-19.71%	699.30	1.57
CVNM1901	KIS	12/13/2020	396	10:1	389,920	-60.8%	5.0 triệu	18.18%	1,200	160	-20.00%	-	
CMWG1906	MBS	12/16/2019	33	5:1	202,490	104.3%	3.0 triệu	20.68%	2,850	1,170	-23.03%	549.00	2.13
Tổng:					4,296,590		101.9 triệu	20.64%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.
- Về giá, CMWG1906 và CVNM1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -23.03% và -20.00%. Thanh khoản thị trường giảm mạnh -51.45%. CMWG1907 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.42% thị trường.

Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VHM, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MWG giảm giá tiêu cực, mất ngưỡng 120, sau khi không thành công vượt đỉnh tại mốc 128. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu giảm bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của MWG có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
BID	42.90	1.90	0.19
PNJ	86.00	0.82	0.17
EIB	18.60	0.54	0.14
STB	10.80	0.47	0.13
GAS	105.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	125.5	-1.57	-1.39
TCB	24.8	-1.59	-1.26
MWG	119.9	-1.96	-0.95
HPG	22.7	-1.52	-0.80
VCB	90.5	-1.31	-0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1902	26,300	21,800	23,250
CVJC1902	157,900	130,000	143,500
CFPT1903	51,140	45,140	60,500
CMBB1903	26,000	22,000	23,250
CDPM1901	15,888	13,988	14,000
CMBB1905	26,400	23,000	23,250
CTCB1901	26,860	23,500	24,750
CVHM1902	103,600	85,000	97,100
CHPG1907	25,200	21,000	22,650
CFPT1904	57,100	52,000	60,500
CNVL1901	69,688	62,088	57,200
CVNM1903	146,600	120,000	125,500
CMWG1902	48,130	90,000	119,900
CMWG1905	122,000	94,000	119,900
CMWG1904	165,000	90,000	119,900
CVNM1904	152,000	133,000	125,500
CMWG1907	144,000	125,000	119,900
CMWG1903	25,800	95,000	119,900
CHPG1905	93,300	23,100	22,650
CVNM1901	46,340	156,285	125,500
CMWG1906	135,150	120,900	119,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	119.9	-2.0%	0.7	2,308	7.8	8,321	14.4	4.7	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	86.0	0.8%	1.0	832	1.8	4,839	17.8	4.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	73.0	-1.1%	1.3	2,225	0.6	1,889	38.6	3.3	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	-0.3%	0.7	322	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	119.0	-0.3%	1.0	17,312	1.7	1,589	74.9	5.1	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.7	0.0%	1.1	3,513	8.4	1,033	33.6	2.8	31.8%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.2	-1.5%	0.8	2,314	1.3	3,187	17.9	2.6	7.4%	15.5%
REE	Bất động sản	37.6	0.0%	1.0	507	1.1	5,614	6.7	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.9	-1.2%	1.4	365	1.9	3,215	4.9	1.0	46.0%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.7	0.0%	1.4	478	1.2	1,769	12.2	1.1	56.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	34.0	-0.3%	1.0	243	0.2	5,067	6.7	1.5	38.0%	24.7%
HCM	Chứng khoán	25.8	1.0%	1.5	343	1.8	1,287	20.0	1.8	57.5%	10.2%
FPT	Công nghệ	60.5	-0.8%	0.8	1,784	3.5	4,688	12.9	3.0	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	46.0	-3.2%	0.4	497	0.0	4,156	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	105.0	0.0%	1.5	8,738	0.8	5,886	17.8	4.4	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.6	0.0%	1.5	3,086	1.2	3,467	17.2	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.7	-1.1%	1.7	389	1.1	2,062	9.1	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	10.0	-1.0%	0.8	1,348	1.0	1,163	8.6	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	0.0%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.0	-1.4%	0.7	238	0.2	650	21.6	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.1	-0.6%	0.6	163	0.1	625	11.3	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	90.5	-1.3%	1.3	14,594	2.8	5,274	17.2	4.1	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	42.9	1.9%	1.5	7,502	3.4	2,109	20.3	2.6	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.9	-0.7%	1.6	3,537	8.4	1,641	13.3	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.5	-0.7%	1.2	2,250	2.2	3,341	6.4	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.3	-0.2%	1.1	2,351	4.7	3,261	7.1	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	25.0	1.2%	1.1	1,801	3.9	3,585	7.0	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	51.8	-1.1%	0.8	184	0.3	5,073	10.2	1.7	80.1%	16.5%
NTP	Nhựa	32.4	1.6%	0.3	138	0.0	4,603	7.0	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.5	-2.4%	1.2	645	0.0	732	22.5	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.7	-1.5%	1.0	2,719	6.5	2,526	9.0	1.4	37.6%	17.4%
HSG	Thép	7.8	-1.0%	1.6	144	2.1	890	8.8	0.6	16.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	125.5	-1.6%	0.7	9,502	10.7	5,527	22.7	8.0	58.9%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	252.0	-1.2%	0.8	7,026	0.5	7,365	34.2	9.0	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.3	-0.9%	1.2	3,776	2.1	4,512	16.5	2.6	40.0%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.9	0.0%	0.5	482	0.9	440	43.0	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	77.5	-0.5%	0.8	7,336	0.1	2,630	29.5	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.5	0.0%	1.1	3,268	2.7	9,850	14.6	5.5	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	35.9	-0.8%	1.7	2,211	0.5	1,747	20.5	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.1	-0.2%	0.8	323	0.3	1,949	12.9	1.2	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.2	-0.6%	0.6	210	0.2	2,571	6.7	1.2	31.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.0	-0.9%	0.9	605	0.6	8,338	10.4	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	0.0%	0.8	366	0.2	1,398	13.4	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.0%	0.8	258	0.3	1,912	8.1	1.1	6.3%	13.8%
CTD	Xây dựng	70.2	-1.5%	0.7	233	0.5	9,842	7.1	0.7	48.2%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.3	0.0%	1.1	524	0.5	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	-1.0%	0.5	259	0.5	1,845	13.0	1.1	51.6%	8.8%
POW	Điện	13.4	0.0%	0.6	1,364	1.1	820	16.3	1.3	14.1%	7.8%
NT2	Điện	23.3	0.2%	0.6	292	0.4	2,721	8.6	1.6	19.3%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.90	1.90	0.81	1.80MLN
BHN	78.50	3.84	0.20	4030.00
TCH	25.00	2.67	0.07	546700.00
PC1	20.30	5.18	0.05	943780.00
PNJ	86.00	0.82	0.05	481130.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.00	1.21	0.49	3.57MLN
MBG	53.90	5.69	0.06	297800.00
NET	32.50	7.97	0.03	3100.00
KLF	1.30	8.33	0.02	99100.00
NTP	32.40	1.57	0.02	18700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	90.50	-1.31	-1.31	706550.00
VNM	125.50	-1.57	-1.03	1.96MLN
VHM	97.10	-0.72	-0.69	1.31MLN
SAB	252.00	-1.18	-0.57	46510.00
TCB	24.75	-1.59	-0.41	3.31MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNP	14.60	-7.01	-0.07	3100.00
PVS	18.70	-1.06	-0.05	1.40MLN
VC3	17.60	-3.30	-0.04	367500.00
VCS	87.00	-0.91	-0.03	165600.00
VNR	18.80	-6.00	-0.03	100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDP	32.10	7.00	0.01	40.00
PMG	19.90	6.99	0.02	14500.00
BTT	40.60	6.98	0.01	2800.00
TPC	10.30	6.96	0.01	10.00
HAI	2.16	6.93	0.01	3.05MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	91200.00
DST	1.00	11.1	0.00	293400.00
FID	1.10	10.0	0.00	134300.00
VNT	40.80	10.0	0.01	100.00
DNC	32.10	9.9	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	3.19	-7.00	0.00	1860.00
NVT	8.64	-7.00	-0.02	17330.00
ACC	18.15	-6.92	0.00	520.00
PTC	6.06	-6.91	0.00	6660.00
PXI	2.16	-6.90	0.00	1280.00

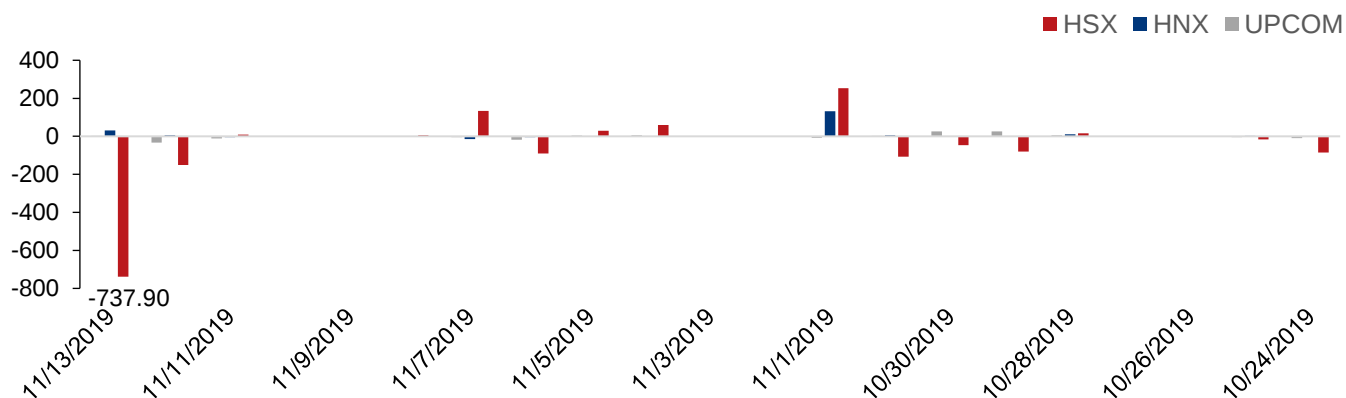
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	-14.29	-0.01	205200.00
TMB	8.10	-10.00	-0.01	3800.00
MAS	47.20	-9.58	-0.01	2000.00
ICG	7.60	-9.52	-0.01	400.00
STC	12.50	-9.42	0.00	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	26.4	3,491	7.6	1.2	Click
2	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	20.3	2,246	9.0	1.0	Click
3	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,678	10.6	0.7	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.3	4,512	16.5	2.6	Click
5	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	125.5	5,527	22.7	8.0	Click
6	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.6	2,887	7.8	1.6	Click
7	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.6	5,614	6.7	1.2	Click
8	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.9	14,958	5.3	1.5	Click
9	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.6	2,279	3.8	0.6	Click
10	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	25.0	3,585	7.0	1.6	Click
11	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.6	1,079	12.6	1.2	Click
12	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	90.5	5,274	17.2	4.1	Click
13	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.8	1,723	13.2	1.7	Click
14	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.3	3,261	7.1	1.4	Click
15	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.5	2,801	20.5	3.4	Click
16	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	25.1	1,949	12.9	1.2	Click
17	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.1	3,391	7.7	1.8	Click
18	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	60.5	4,688	12.9	3.0	Click
19	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.9	649	21.4	1.2	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	119.9	8,321	14.4	4.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn